

Số: 210 /KH-UBND

Bình Chánh, ngày 25 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổ chức tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 trên địa bàn huyện Bình Chánh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao biên chế hành chính, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội đặc thù năm 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm kịp thời bổ sung nhu cầu viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Bình Chánh năm 2021.

Tuyển dụng những người có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức tuyển dụng phải theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và theo phân cấp; đảm bảo bình đẳng, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và tính cạnh tranh để tuyển chọn đúng người, phù hợp với cơ cấu

chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm, đáp ứng nhu cầu về nhân lực của từng cơ quan, đơn vị.

II. NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ TUYỂN DỤNG

1. Căn cứ nhu cầu công việc, chỉ tuyển dụng đủ số lượng so với chỉ tiêu biên chế được giao theo vị trí việc làm của từng đơn vị đã công bố.

2. Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng khách quan và đúng quy định của pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

3. Người được tuyển dụng phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

4. Tuyển dụng theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng đơn vị.

III. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC

- Năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh được Ủy ban nhân dân Thành phố giao 4.626 biên chế.

- Tổng số biên chế hiện có đến tháng 4 năm 2021 là 3.769/4.626 biên chế, biên chế còn thiếu 857 biên chế.

IV. NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021

Căn cứ nhu cầu nhân sự cho năm học 2021-2022 tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và nhu cầu nhân sự năm 2021 tại các đơn vị sự nghiệp khác, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh dự kiến tuyển dụng tổng cộng là **583** viên chức, trong đó: Mầm non 93 viên chức; Tiểu học 225 viên chức; Trung học cơ sở 236 viên chức; Đơn vị sự nghiệp giáo dục khác và Đơn vị sự nghiệp công lập khác 29 viên chức (*đính kèm phụ lục nhu cầu tuyển dụng từng đơn vị*).

V. ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN DỰ TUYỂN

Điều kiện đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quy định tại khoản 1, Điều 24 Luật Viên chức được bổ sung các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 22 Luật Viên chức nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo.

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

b) Từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với một số lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tuổi dự tuyển có thể thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật;

- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3. Người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao có thể thấp hơn 18 tuổi nhưng phải từ đủ 15 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật.

4. Đối tượng ưu tiên

4.1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

4.2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

a) Số lượng cụ thể từng vị trí (chi tiết phụ lục 1, 2, 3, 4)

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng
A	Vị trí Giáo viên			
I	Khối Mầm non			92
1	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	92
II	Khối Tiểu học			196
1	Giáo viên Tiểu học (Giáo viên nhiều môn: 103, Giáo viên Tiếng Anh: 38, Giáo viên Thể dục: 7, Giáo viên Tin học: 22, Giáo viên Mỹ thuật: 5, Giáo viên âm nhạc: 12. Giáo viên phụ trách công tác Đội: 9)	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	196
III	Khối Trung học cơ sở			205
1	Giáo viên THCS (Giáo viên môn Toán: 16, Giáo viên Tiếng Anh: 21, Giáo viên Sinh: 21, Giáo viên GDCD: 8, Giáo viên Văn: 32, Giáo viên Địa: 14, Giáo viên Công nghệ (Nữ công): 1, Giáo viên Công nghệ (Nông nghiệp): 1, Giáo viên Công nghệ (Kỹ thuật điện): 7, Giáo viên Tin học: 13, Giáo viên Mỹ thuật: 12, Giáo viên Thể dục: 16, Giáo viên Âm nhạc: 8, Giáo viên Hóa: 8, Giáo viên Lý: 4, Giáo viên Sử: 13, Giáo viên phụ trách công tác Đội: 10)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	205
IV	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên			8

1	Giáo viên THPT (Giáo viên Toán học: 1, Giáo viên Hóa học: 1, Giáo viên Ngữ văn: 5, Giáo viên Sinh học: 1)	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8
V	Giáo viên nghề			7
1	Giáo viên dạy lý thuyết nghề bảo trì và sửa chữa ô tô	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	1
2	Giáo viên dạy thực hành nghề bảo trì và sửa chữa ô tô	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	V.09.02.08	1
3	Giáo viên dạy lý thuyết nghề cắt gọt kim loại	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	1
4	Giáo viên dạy thực hành nghề cắt gọt kim loại	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	V.09.02.08	1
5	Giáo viên dạy thực hành nghề công nghệ thông tin	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	V.09.02.08	1
6	Giáo viên dạy nghề sửa chữa xe gắn máy trình độ sơ cấp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	V.09.02.09	1
7	Giáo viên dạy nghề điện lạnh trình độ sơ cấp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	V.09.02.09	1
VI	Sự nghiệp Văn hóa			3
1	Nghệ vụ Văn hóa - Văn nghệ - Du lịch	Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	V.10.07.24	1
2	Tuyên truyền lưu động	Nhân viên	01.005	1
3	Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	1
VII	Trung tâm Quản lý các di tích lịch sử, dịch vụ văn hóa			2

1	Tuyên truyền, tổ chức sự kiện	Chuyên viên hoặc tương đương	01.003	1
2	Quản lý kỹ thuật hạ tầng	Chuyên viên hoặc tương đương	01.003	1
B	Vị trí Nhân viên			70
1	Nhân viên Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	9
2	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên	01.005	13
3	Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	15
4	Nhân viên Công nghệ thông tin	Nhân viên	01.005	12
5	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	01.005	4
6	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm (Khối THCS)	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm	V.07.07.20	9
7	Nhân viên Giáo vụ	Nhân viên	01.005	2
8	Nhân viên Đào tạo nghề - Hướng nghiệp	Cán sự	01.004	2
9	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên)	Nhân viên	01.005	1
10	Tổ chức - Hành chính - Quản trị	Nhân viên	01.005	2
11	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	1
Tổng				583

b) Tiêu chuẩn tại vị trí việc làm ứng viên dự tuyển được thực hiện theo quy định tại các Thông tư, cụ thể như sau:

- Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;

- Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

- Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;

- Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên môn ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

(Xem chi tiết Phụ lục số 5 đính kèm)

VI. HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2 được thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

a) Hình thức xét tuyển: Phỏng vấn; thực hành.

b) Nội dung xét tuyển: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian xét tuyển: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thời gian thi thực hành do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển.

d) Thang điểm (thi phỏng vấn, thực hành): 100 điểm.

VII. HỒ SƠ DỰ XÉT TUYỂN

1. Hồ sơ dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (địa chỉ: Số 79, đường Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh) hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (thông qua Phòng Nội vụ).

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Lưu ý: Phiếu đăng ký dự tuyển phải ghi rõ vị trí đăng ký dự tuyển của đơn vị nào.

2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

2.1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2.2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng

quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

VIII. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, XÉT TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ

1. Thời gian nhận hồ sơ: Theo quy định.

2. Địa điểm nhận hồ sơ tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (thông qua Phòng Nội vụ), địa chỉ số 79, đường Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh.

3. Công khai danh sách ứng viên đủ điều kiện dự tuyển trên trang web của Ủy ban nhân dân Huyện, Đài truyền thanh Huyện; niêm yết tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và các đơn vị có thí sinh tham gia dự tuyển.

4. Triệu tập ứng viên để hướng dẫn hình thức, nội dung xét tuyển: sẽ có thông báo cụ thể sau.

5. Thời gian và địa điểm tổ chức tuyển dụng: sẽ có thông báo cụ thể sau.

IX. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

X. KINH PHÍ

Kinh phí phục vụ xét tuyển sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị thực hiện xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 12920/BTC-CST ngày 21 tháng 10 năm 2020. /

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TTUB;
- P.NV, P.GD&ĐT;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các ĐVSN giáo dục công lập;
- TTVH-TDTT Huyện;
- ĐTT Huyện, Cổng thông tin điện tử Huyện;
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT-TH, PNV.T.



CHỦ TỊCH

Đào Gia Vượng



NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2021 KHỐI MẦM NON
(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số người được giao năm 2021	Số người làm việc	HD 68	Tổng có mặt	Số có mặt							Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên	Nhu cầu tuyển dụng Nhân viên				TỔNG CỘNG
						Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên Mầm non	Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Y tế		Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Y tế	
1	Trường Mầm non Thủy Tiên	42	33	9	20	1	2	17	0	0	0	0	7	0	0	1	0	8
2	Trường Mầm non Thủy Tiên 1	34	27	7	23	1	2	20	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2
3	Trường Mầm non Thủy Tiên 2	42	33	9	29	1	2	26	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2
4	Trường Mầm non Hướng Dương	42	33	9	33	1	2	29	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Trường Mầm non Hướng Dương 2	47	37	10	35	1	2	31	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
6	Trường Mầm non Ngọc Lan	31	25	6	24	1	2	19	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1
7	Trường Mầm non Phong Lan	38	29	9	26	1	2	22	1	0	0	0	2	0	0	0	0	2
8	Trường Mầm non Quỳnh Anh	31	25	6	24	1	2	20	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trường Mầm non Hoa Hồng	31	25	6	22	1	2	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	43	33	10	31	1	2	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Trường Mầm non Hoa Mai	73	57	16	38	1	2	33	1	0	1	0	19	0	0	0	0	19
12	Trường Mầm non Hoa Lan	38	29	9	27	1	2	24	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Trường Mầm non Hoàng Anh	34	27	7	27	1	2	22	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
14	Trường Mầm non Hoàng Anh 2	25	20	5	17	1	1	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Trường Mầm non Baby	39	31	8	29	1	2	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	37	29	8	24	1	2	21	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số người được giao năm 2021	Số người làm việc	HD 68	Tổng có mặt	Số có mặt							Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên	Nhu cầu tuyển dụng Nhân viên				TỔNG CỘNG
						Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên Mầm non	Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Y tế	Giáo viên Mầm non	Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Y tế	
17	Trường Mẫu giáo Hoa Đào	21	17	4	11	1	1	7	1	0	1	0	3	0	0	0	0	3
18	Trường Mầm non Sen Hồng	31	25	6	18	1	0	16	0	0	1	0	5	0	0	0	0	5
19	Trường Mầm non Hoa Sen	34	27	7	25	1	2	20	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1
20	Trường Mầm non Hoa Sen 2	28	23	5	19	1	1	16	0	0	1	0	3	0	0	0	0	3
21	Trường Mầm non Hoa Sen 3	19	16	3	14	1	1	11	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Trường Mầm non Quỳnh Hương	47	37	10	24	1	2	21	0	0	0	0	11	0	0	0	0	11
23	Trường Mầm non Quỳnh Hương 2	22	18	4	13	1	1	10	1	0	0	0	4	0	0	0	0	4
24	Trường Mầm non 30-4	31	25	6	21	1	2	17	0	0	1	0	2	0	0	0	0	2
25	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý	34	27	7	26	1	2	22	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
26	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 1	34	27	7	19	1	1	16	0	0	1	0	6	0	0	0	0	6
27	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 2	31	25	6	15	1	1	13	0	0	0	0	6	0	0	0	0	6
28	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	37	30	7	28	1	2	24	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1
29	Trường Mầm non Hoa Phượng 1	53	41	12	27	1	2	23	0	0	1	0	13	0	0	0	0	13
30	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	24	20	4	19	1	1	15	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1
TỔNG CỘNG		1.073	851	222	708	30	50	603	10	0	15	0	92	0	0	1	0	93

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2021 KHỐI TIỂU HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	Tên đơn vị	Số người được giao năm 2021	Số có mặt	Nhu cầu tuyển dụng								Nhu cầu tuyển dụng					Tổng cộng
				Vị trí Giáo viên	Số lượng							Vị trí nhân viên hỗ trợ, phục vụ	Số lượng				
					Giáo viên nhiều môn	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Tin học	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên phụ trách công tác Đội		Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Công nghệ thông tin	
1	Trường Tiểu học Bình Hưng	54	52	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	1
2	Trường Tiểu học Phong Phú	61	52	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	54	48	2	1	0	0	1	0	0	0	2	1	1	0	0	4
4	Trường Tiểu học Qui Đức	69	56	9	4	3	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	9
5	Trường Tiểu học Hưng Long	79	61	15	9	3	1	2	0	0	0	1	0	1	0	0	16
6	Trường Tiểu học Tân Quý Tây	57	47	5	5	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	6
7	Trường Tiểu học Tân Quý Tây 3	54	45	5	0	1	0	2	0	2	0	2	1	1	0	0	7
8	Trường Tiểu học Bình Chánh	54	49	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
9	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	30	28	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
10	Trường Tiểu học An Phú Tây	52	46	3	2	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	4
11	Trường Tiểu học Tân Túc	54	46	5	0	3	0	1	0	0	1	1	0	1	0	0	6
12	Trường Tiểu học Tân Kiên	97	72	20	12	1	2	1	1	2	1	0	0	0	0	0	20
13	Trường Tiểu học Tân Nhựt	54	44	6	2	2	0	1	0	1	0	1	1	0	0	0	7
14	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	52	46	1	0	0	0	1	0	0	0	2	1	0	1	0	3
15	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 2	40	34	3	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	3
16	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	39	32	4	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	4
17	Trường Tiểu học học Cầu Xáng	54	43	6	1	3	0	0	0	1	1	2	1	0	1	0	8
18	Trường Tiểu học An Hạ	73	61	8	1	5	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	8

STT	Tên đơn vị	Số người được giao năm 2021	Số có mặt	Vị trí Giáo viên	Số lượng							Vị trí nhân viên hỗ trợ, phục vụ	Số lượng				Tổng cộng
					Giáo viên nhiều môn	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Tin học	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên phụ trách công tác Đội		Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Công nghệ thông tin	
20	Trường Tiểu học Võ Văn Vân	65	62	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1
19	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	63	56	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
21	Trường Tiểu học Bình Lợi	43	33	7	4	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	7
22	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1	47	42	2	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	3
23	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	91	82	7	6	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	8
24	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc A	98	95	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
25	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	81	63	14	11	0	0	1	1	1	0	2	0	0	1	1	16
26	Trường Tiểu học Lại Hùng Cường	62	51	8	6	0	0	1	0	1	0	1	1	0	0	0	9
27	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	82	74	9	7	0	0	1	0	0	1	1	0	1	0	0	10
28	Trường Tiểu học Phạm Hùng	76	60	12	9	2	0	1	0	0	0	2	1	0	1	0	14
30	Trường Tiểu học Phong Phú 2	54	45	5	0	1	1	1	0	1	1	2	1	1	0	0	7
29	Trường Tiểu học An Phú Tây 2	61	48	7	2	2	1	1	0	0	1	2	1	1	0	0	9
31	Trường Tiểu học Tân Túc 2	58	49	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	2
32	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh	98	93	3	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	3
33	Trường Tiểu học Kim Đồng	42	30	9	4	2	0	1	1	0	1	1	0	1	0	0	10
34	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	42	28	10	6	2	0	2	0	0	0	1	0	1	0	0	11
Tổng cộng		2090	1773	196	103	38	7	22	5	12	9	29	13	10	5	1	225

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



NIÊU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC KHÁC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHÁC NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	Tên đơn vị	Số người được giao năm 2021	Số có mặt	Nhu cầu tuyển dụng		Tổng cộng
				Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
01	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	65	47	8	5	13
1	Giáo viên THPT hạng III môn Toán học			1		
2	Giáo viên THPT hạng III môn Hóa học			1		
3	Giáo viên THPT hạng III môn Ngữ văn			5		
4	Giáo viên THPT hạng III môn Sinh học			1		
5	Nhân viên Đào tạo nghề - Hướng nghiệp				2	
6	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm				1	
7	Nhân viên Giáo vụ				2	
02	Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa	31	22	7		7
1	Giáo viên dạy lý thuyết nghề bảo trì và sửa chữa ô tô			1		
2	Giáo viên dạy thực hành nghề bảo trì và sửa chữa ô tô			1		
3	Giáo viên dạy lý thuyết nghề cắt gọt kim loại			1		
4	Giáo viên dạy thực hành nghề cắt gọt kim loại			1		
5	Giáo viên dạy thực hành nghề công nghệ thông tin			1		
6	Giáo viên dạy nghề sửa chữa xe gắn máy trình độ sơ cấp			1		
7	Giáo viên dạy nghề điện lạnh trình độ sơ cấp			1		
03	Trung tâm Văn hóa - Thể dục Thể thao	44	33	3		3
1	Nghiệp vụ Văn hóa - Văn nghệ - Du lịch			1		
2	Tuyên truyền lưu động			1		
3	Thư viện			1		
04	Trung tâm Quản lý các di tích lịch sử, dịch vụ văn hóa	13	3	2	4	6
1	Tuyên truyền, tổ chức sự kiện			1		
2	Quản lý kỹ thuật hạ tầng			1		
3	Tổ chức - Hành chính - Quản trị				2	
4	Kế toán				1	
5	Thủ quỹ				1	
	Tổng	153	105	20	9	29



TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
A	Vị trí Giáo viên							
I	Khối Mầm non			92				
1	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	92	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên			
II	Khối Tiểu học			196				
1	Giáo viên nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	103	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học			
2	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	38	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tiếng Anh đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
3	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	7	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Thể dục Thể chất đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Thể dục Thể chất phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
4	Giáo viên Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	22	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tin học đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Tin học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
5	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	5	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Mỹ thuật đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Mỹ thuật phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
6	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	12	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Âm nhạc đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Âm nhạc phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
7	Giáo viên phụ trách công tác Đội	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	9	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp môn giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
III	Khối THCS			205				
1	Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	16	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Toán học đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Toán học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
2	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	21	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tiếng Anh đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
3	Giáo viên môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	21	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Sinh học đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Sinh học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
4	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	8	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Giáo dục công dân đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Giáo dục công dân phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
5	Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	32	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Văn đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Ngữ văn phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
6	Giáo viên môn Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	14	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Địa lý đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Địa lý phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
7	Giáo viên môn Công nghệ (Nữ công)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	1	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Kỹ thuật nữ công đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật nữ công phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
8	Giáo viên môn Công nghệ (Nông nghiệp)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	1	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Kỹ thuật nông nghiệp đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
9	Giáo viên môn Công nghệ (Kỹ thuật Điện)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	7	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Kỹ thuật Điện đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật Điện phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
10	Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	13	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tin học đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Tin học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
11	Giáo viên môn Mỹ thuật	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	12	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Mỹ thuật đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Mỹ thuật phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
12	Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	16	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Thể dục Thể chất đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Thể dục Thể chất phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
13	Giáo viên môn Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	8	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Âm nhạc đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Âm nhạc phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
14	Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	8	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Hóa học đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Hóa học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
15	Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Vật lý đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Vật lý phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
16	Giáo viên môn Sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	13	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Vật lý đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Vật lý phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
17	Giáo viên phụ trách công tác Đội	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	10	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp môn giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
IV	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên			8				
1	Giáo viên THPT hạng III môn Toán học	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	1	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Toán học đối với giáo viên trung học phổ thông hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Toán học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
2	Giáo viên THPT hạng III môn Hóa học	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	1	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Hóa học đối với giáo viên trung học phổ thông hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Hóa học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
3	Giáo viên THPT hạng III môn Ngữ văn	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Ngữ văn đối với giáo viên trung học phổ thông hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Ngữ văn phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
4	Giáo viên THPT hạng III môn Sinh học	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	1	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Sinh học đối với giáo viên trung học phổ thông hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành Sinh học phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
V	Giáo viên nghề			7				
1	Giáo viên dạy lý thuyết nghề bảo trì và sửa chữa ô tô	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	1	- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
2	Giáo viên dạy thực hành nghề bảo trì và sửa chữa ô tô	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	V.09.02.08	1	- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương”; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	
3	Giáo viên dạy lý thuyết nghề cắt gọt kim loại	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	1	- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
4	Giáo viên dạy thực hành nghề cắt gọt kim loại	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	V.09.02.08	1	- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương”; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	
5	Giáo viên dạy thực hành nghề công nghệ thông tin	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	V.09.02.08	1	- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương”; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
6	Giáo viên dạy nghề sửa chữa xe gắn máy trình độ sơ cấp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	V.09.02.09	1	- Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy trình độ sơ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với nghề giảng dạy hoặc có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với nghề giảng dạy để dạy trình độ sơ cấp sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng nhận bậc thợ 3/7, 2/6; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	
7	Giáo viên dạy nghề điện lạnh trình độ sơ cấp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	V.09.02.09	1	- Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy trình độ sơ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với nghề giảng dạy hoặc có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với nghề giảng dạy để dạy trình độ sơ cấp sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng nhận bậc thợ 3/7, 2/6; - Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH: “Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên”.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên	
VI	Sự nghiệp Văn hóa			3				
1	Nghệ vụ Văn hóa - Văn nghệ - Du lịch	Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	V.10.07.24	1	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành văn hóa	Có trình độ ngoại ngữ từ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
2	Tuyển truyền lưu động	Nhân viên	01.005	1	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành: văn hóa văn nghệ hoặc chuyên ngành khác phù hợp với nhiệm vụ, công việc được giao đã qua đào tạo, tập huấn về văn hóa văn nghệ, thông tin tuyên truyền, kỹ thuật viên (âm thanh, ánh sáng, truyền thanh).			
3	Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	1	Tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	
V	Sự nghiệp khác (Trung tâm Quản lý các di tích lịch sử, dịch vụ văn hóa)			2				
1	Tuyên truyền, tổ chức sự kiện	Chuyên viên hoặc tương đương	01.003	1	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Quản lý Văn hóa, Du lịch hoặc chuyên ngành khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm			
2	Quản lý kỹ thuật hạ tầng	Chuyên viên hoặc tương đương	01.003	1	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác			
B	Vị trí Nhân viên			70				
1	Nhân viên Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	9	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
2	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên	01.005	13	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thiết bị. Nếu tốt nghiệp ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng công tác thiết bị			
3	Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	15	Có bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	
4	Nhân viên Công nghệ thông tin	Nhân viên	01.005	12	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên			
5	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	01.005	4	Có bằng tốt nghiệp Trung cấp Tài chính – Kế toán trở lên			
6	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm (Khối THCS)	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm	V.07.07.20	9	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	
7	Nhân viên Giáo vụ	Nhân viên	01.005	2	Tốt nghiệp trung cấp các chuyên ngành trở lên			

STT	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Số lượng	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
8	Nhân viên Đào tạo nghề - Hướng nghiệp	Cán sự	01.004	2	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm kỹ thuật trở lên. Nếu tốt nghiệp cao đẳng khác trở lên phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm với một trong các chuyên ngành điện, kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật nữ công, kỹ thuật công nghiệp, tin học, kỹ thuật nhiệt			
9	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên)	Nhân viên	01.005	1	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thiết bị trường học			
10	Tổ chức - Hành chính - Quản trị	Nhân viên	01.005	2	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ, Hành chính, Kinh tế, Luật, Quản trị kinh doanh			
11	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	1	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam đối với trình độ đào tạo là Trung cấp; có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam đối với trình độ đào tạo là Đại học theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;	Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương	
	Tổng			583	0	0	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH



NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2021 KHỐI THCS
(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	Vị trí việc làm	Nhu cầu tuyển dụng																		Tổng cộng
		THCS Nguyễn Thái Bình	THCS Phong Phú	THCS Qui Đức	THCS Đa Phước	THCS Hưng Long	THCS Tân Quý Tây	THCS Bình Chánh	THCS Nguyễn Văn Linh	THCS Tân Túc	THCS Tân Kiên	THCS Tân Nhựt	THCS Gò Xoài	THCS Lê Minh Xuân	THCS Phạm Văn Hai	THCS Đồng Đen	THCS Vĩnh Lộc A	THCS Vĩnh Lộc B	THCS Võ Văn Vân	
	Số giao năm 2021	80	74	47	59	72	70	88	78	94	92	74	34	76	86	109	101	156	94	1484
	Tổng viên chức có mặt	64	63	39	48	58	54	73	60	88	62	61	30	59	56	70	82	130	78	1175
I	Giáo viên THCS hạng III	10	8	5	3	8	10	8	13	3	24	9	2	11	22	28	10	21	10	205
1	Giáo viên môn Toán	1	1	0	0	0	2	2	2	0	3	0	1	0	1	2	0	1	0	16
2	Giáo viên môn Tiếng Anh	1	1	0	0	2	0	1	3	0	3	2	0	1	1	3	0	2	1	21
3	Giáo viên môn Sinh	1	1	1	0	0	2	0	1	1	2	0	1	1	2	2	2	3	1	21
4	Giáo viên môn GD&ĐT	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	1	1	1	1	1	0	8
5	Giáo viên môn Văn	1	0	2	1	2	3	2	1	0	3	1	0	2	4	4	2	2	2	32
6	Giáo viên môn Địa	2	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	2	3	0	2	1	14
7	Giáo viên môn Công nghệ (Nữ công)	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
8	Giáo viên môn Công nghệ (Nông nghiệp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1
9	Giáo viên môn Công nghệ (Kỹ thuật Điện)	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	2	0	1	0	7
10	Giáo viên môn Tin học	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0	1	2	2	0	4	1	13

11	Giáo viên môn Mỹ thuật	0	0	0	1	0	0	0	2	1	1	0	0	1	2	1	1	1	1	12
12	Giáo viên môn Thể dục	0	1	1	0	1	0	0	1	0	2	1	0	1	2	3	2	0	1	16
13	Giáo viên môn Âm nhạc	1	1	0	0	0	1	0	1	0	2	0	0	0	0	1	1	0	0	8
14	Giáo viên môn Hóa	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	1	2	1	0	1	0	8
15	Giáo viên môn Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	1	0	4
16	Giáo viên môn Sử	3	0	0	1	1	2	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	2	1	13
17	Giáo viên phụ trách công tác Đội	0	1	0	0	1	0	1	0	1	1	1	0	1	0	1	1	0	1	10
II	Nhân viên hỗ trợ, phục vụ	1	1	1	1	1	3	2	1	1	3	2	1	3	0	3	4	2	1	31
1	Nhân viên Thí nghiệm, Thiết bị	0	0	0	1	1	1	0	1	1	0	1	0	1	0	0	1	1	0	9
2	Nhân viên Thư viện	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	1	1	0	0	5
3	Nhân viên Văn thư	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	3
4	Nhân viên Công nghệ thông tin	1	1	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1		1	1	11
5	Nhân viên Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	3
	Tổng cộng	11	9	6	4	9	13	10	14	4	27	11	3	14	22	31	14	23	11	236

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH